

ĐỀ CƯƠNG
ÔN TẬP THI CUỐI KÌ
HK212

LỊCH
SỬ
ĐẢNG



CHƯƠNG I:

ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

1.

NGUYỄN ÁI QUỐC CHUẨN BỊ CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG VÀ TỔ CHỨC CHO VIỆC THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.

1.1 VỀ TƯ TƯỞNG :

Từ giữa năm 1921, tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa tại Pháp, sáng lập tờ báo **Le Paria** (Người cùng khổ), viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế,...

Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương.

Xác định **chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung** của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Xây dựng **mối quan hệ gắn bó** giữa những **người cộng sản và nhân dân lao động Pháp** với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Năm 1927, khẳng định: “Đảng muốn vững phải có **chủ nghĩa làm cốt**, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”. Đảng mà **không có chủ nghĩa** cũng giống như **người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam**.

1.2 VỀ CHÍNH TRỊ:

Khẳng định rằng:

- Con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là **giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc**; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản.
- Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải **hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào**, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.
- **Cách mạng giải phóng dân tộc** ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; có mối quan hệ chặt chẽ nhưng **không phụ thuộc** vào cách mạng vô sản ở “chính quốc” mà **có thể thành công trước** cách mạng vô sản ở “chính quốc”, góp phần tích cực **thúc đẩy cách mạng vô sản** ở “chính quốc”.

Trong nước nông nghiệp lạc hậu, **nông dân là lực lượng đông đảo nhất**, phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải **xây dựng khối liên minh công nông** làm động lực cách mạng: “công nông là gốc của cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông”.

Cách mạng “là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người”.

Khẳng định: “**Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy.**”

Phong trào “**Vô sản hóa**” do Kỳ bộ Bắc Kỳ **Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên** phát động từ ngày **29-9-1928** đã góp phần truyền **bá tư tưởng vô sản**, rèn luyện cán bộ và xây dựng phát triển tổ chức của công nhân.

1.3 VỀ TỔ CHỨC:

Thực hiện “lộ trình” “đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”. Tháng **11- 1924**, Người **đến Quảng Châu** xúc tiến các công việc **tổ chức thành lập đảng cộng sản**. Tháng **2-1925**, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong **Tâm tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn**.

Tháng **6-1925**, thành lập **Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu** (Trung Quốc), **nòng cốt là Cộng sản đoàn, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc** rồi sau đó làm cách mạng thế giới. Hệ thống tổ chức của Hội **gồm 5 cấp**:

- Trung ương bộ
- Kỳ bộ
- Tỉnh bộ hay thành bộ
- Huyện bộ
- Chi bộ

Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo **cao nhất** giữa hai kỳ đại hội. **Trụ sở đặt tại Quảng Châu**.

Xuất bản tờ báo Thanh niên:

- Tuyên truyền **tôn chỉ, mục đích** của Hội
- Truyền truyền **chủ nghĩa Mác-Lênin**
- **Phương hướng phát triển** của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam.

Tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, phái người về nước và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Sau khi được đào tạo, được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng **theo khuynh hướng vô sản**.

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4-1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại **Mátxcova** và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử **đi công tác ở nhiều nước Châu Âu**. Năm 1928, Người **trở về Châu Á và hoạt động ở Xiêm** (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc **xuất bản thành cuốn Đường Cách mệnh.**:

- Là **cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam**, trong đó tầm quan trọng của **lý luận cách mạng** được đặt ở **vị trí hàng đầu** đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong.
- **Xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng.**
- Tác phẩm **thể hiện tư tưởng nổi bật** của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở **vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin** vào đặc điểm của Việt Nam.

- Những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.

Từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên **phát triển** cơ sở ở **trong nước**.

Đầu năm 1927 các **kỳ bộ được thành lập**. Chú trọng **xây dựng** cơ sở trong Việt kiều ở **Xiêm** (Thái Lan).

HỘI VIỆT NAM CÁCH MẠNG THANH NIÊN:

- Chưa phải là chính đảng cộng sản,
- Thể hiện quan điểm, lập trường của **giai cấp công nhân**.
- Là tổ chức tiền thân **dẫn tới ra đời các tổ chức cộng sản** ở Việt Nam.
- Là tổ chức **trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin** vào Việt Nam
- Là **sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức** để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam.
- Có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của **phong trào công nhân**, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo **xu hướng cách mạng vô sản**.
- Là **tổ chức tiền thân của Đảng** Cộng sản Việt Nam.

2.

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

2.1 CÁC TỔ CHỨC CỘNG SẢN RA ĐỜI

Năm 1929, tổ chức **Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên** **không còn thích hợp** và đủ sức lãnh đạo phong trào.

Tháng 3-1929, lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ **lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam**.

Ngày 17-6-1929, các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ **thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng**, thông qua **Tuyên ngôn, Điều lệ**; lấy **cờ đỏ búa liềm** là **Đảng kỳ** và quyết định xuất bản **báo Búa liềm** làm cơ quan ngôn luận.

Tháng 11-1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, **An Nam Cộng sản Đảng** được **thành lập**, công bố **Điều lệ**, quyết định **xuất bản Tạp chí Bônsovích**.

Tại Trung Kỳ, **Tân Việt Cách mạng đảng** đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Tháng 9-1929, họp bàn việc **thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn**.

Cuối tháng 12-1929, bỏ tên Tân Việt đặt **tên mới là Đông Dương Cộng sản liên đoàn**.

Khi đang Đại hội, sợ bị lộ, các đại biểu di chuyển đến địa điểm mới thì **bị địch bắt** vào sáng ngày 1-1-1930. **Cuối tháng 12- 1929** là thời điểm **hoàn tất** quá trình **thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn** được khởi đầu từ sự kiện công bố Tuyên đạt tháng 9-1929.

Bước **phát triển về chất** của **phong trào yêu nước Việt Nam** **theo khuynh hướng cách mạng vô sản**.

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền **không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.**

2.2 HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Ngày **23-12-1929**, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông tiến hành **hội nghị hợp nhất** các tổ chức cộng sản **thành một chính đảng** duy nhất của Việt Nam.

Thời gian Hội nghị **từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930**. (**3 tháng 2 dương lịch** làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng).

Thành phần dự Hội nghị: gồm **đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng** dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:

- **Bỏ mọi thành kiến** xung đột cũ, **thành thật hợp tác** để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương
- Định tên Đảng là **Đảng Cộng sản Việt Nam**
- Thảo **Chính cương và Điều lệ** sơ lược
- **Định kế hoạch** thực hiện việc thống nhất trong nước
- Cử một **Ban Trung ương lâm thời**

Các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo:

- CHÁNH CƯƠNG VẮN TẮT
- SÁCH LƯỢC VẮN TẮT
- CHƯƠNG TRÌNH TÓM TẮT
- ĐIỀU LỆ VẮN TẮT

Mục đích: Đảng tổ chức ra để **lãnh đạo quần chúng lao khổ** làm giai cấp tranh đấu để **tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa**, làm cho thực hiện xã hội cộng sản.

Điều kiện vào Đảng: là những người “**tin theo chủ nghĩa cộng sản**, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và **dám hy sinh** phục tùng mệnh lệnh Đảng và **đóng kinh phí, chịu phần đấu** trong một bộ phận đảng”.

Các đại biểu về nước phải tổ chức một **Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng** Việt Nam.

Hệ thống tổ chức Đảng từ **chi bộ, huyện bộ, thị bộ (khu bộ)**, tỉnh bộ, thành bộ (đặc biệt bộ) và Trung ương.

Xây dựng các **tổ chức công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế** và xuất bản một tạp chí lý luận và **ba tờ báo tuyên truyền** của Đảng.

24-2-1930, việc thống nhất hoàn thành. **Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam** có giá trị **như một Đại hội Đảng**.

2.3 NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG

Chánh cương vắn tắt và **Sách lược vắn tắt** là **Cương lĩnh chính trị đầu tiên** của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mục tiêu chiến lược: “chủ trương làm **tư sản dân quyền cách mạng** và **thổ địa cách mạng** để đi tới **xã hội cộng sản**”. Đã làm rõ nội dung của **cách mạng thuộc địa** nằm trong phạm trù **của cách mạng vô sản**.

Nhiệm vụ chủ yếu:

- “**Đánh đổ đế quốc** chủ nghĩa Pháp **và bọn phong kiến**”, “**Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập**”.
- **Chống đế quốc** và **chống phong kiến** là **nhiệm vụ cơ bản** để **giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày**, trong đó **chống đế quốc, giành độc lập** cho dân tộc được đặt **ở vị trí hàng đầu**.
- **Về phương diện xã hội:**
 - Dân chúng được tự do tổ chức
 - Nam nữ bình quyền, v.v...
 - Phổ thông giáo dục theo công nông hoá
- **Về phương diện kinh tế:**
 - Thủ tiêu hết các thứ quốc trái
 - Thu hết sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý
 - Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo
 - Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo
 - Mở mang công nghiệp và nông nghiệp
 - Thi hành luật ngày làm tám giờ...

Lực lượng cách mạng:

- **Công nhân, nông dân là lực lượng cơ bản**, trong đó giai cấp **công nhân lãnh đạo**.
- **Đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiên bộ, yêu nước** để tập trung chống đế quốc và tay sai.
- Đây là **cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết**.

Phương pháp tiến hành:

- **Bằng con đường bạo lực cách mạng** của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thoả hiệp. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp.

Tinh thần đoàn kết quốc tế:

- Cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.
- Ngay từ khi thành lập, **Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân**.

Vai trò lãnh đạo của Đảng:

- “**Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp** phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”.

- “Đảng là đội tiên phong của **đạo quân vô sản** gồm một số lớn của **giai cấp công nhân** và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”.

Ý nghĩa của Cương lĩnh chính trị đầu tiên:

- **Phản ánh các luận điểm cơ bản** của cách mạng Việt Nam
- **Chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản** và chủ yếu của dân tộc Việt Nam
- **Đánh giá đúng đắn, sát thực** thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc.

Từ đó, các văn kiện đã:

- **Xác định đường lối chiến lược và sách lược** của cách mạng Việt Nam
- **Xác định phương pháp** cách mạng, **nhiệm vụ** cách mạng và **lực lượng** của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

3.

LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, THÁNG 10-1930

Từ ngày 14 -31/10/1930, Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng, đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành **Đảng Cộng sản Đông Dương**.

3.1 NỘI DUNG CHÍNH:

Mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “**một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa**”. Mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX là mâu thuẫn giữa **giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến**.

Phương hướng chiến lược:

- **Tính chất** của cách mạng Đông Dương **lúc đầu** là một cuộc “**cách mạng tư sản dân quyền**”, “**có tính chất thổ địa và phản đế**”.
- Sau đó sẽ tiếp tục “**phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa**”.

Nhiệm vụ cốt yếu:

- Tranh đấu để **đánh đổ các di tích phong kiến**, đánh đổ các **cách bóc lột theo lối tiền tiến tư bản** và để **thực hành thổ địa cách mạng** cho triệt để”
- “**đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập**”.
- Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau. Luận cương nhấn mạnh: “**Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền**”, là cơ sở để Đảng **giành quyền lãnh đạo** dân cày.

Động lực cách mạng:

- Giai cấp **vô sản** và **nông dân** là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền.
- **Vô sản là động lực chính và mạnh**.

Lãnh đạo cách mạng:

- Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi là cần phải có một **Đảng Cộng sản** có một **đường chính trị đúng có kỷ luật** tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và **từng trải tranh đấu** mà trưởng thành”.

Phương pháp cách mạng:

- **Chuẩn bị** cho quần chúng về con đường “**võ trang bạo động**”. Võ trang bạo động để giành chính quyền.

Cách mạng Đông Dương:

- Là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới
- Giai cấp vô sản Đông Dương **phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản** thế giới, **trước hết là giai cấp vô sản Pháp**, và phải **mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng** ở các **nước thuộc địa và nửa thuộc địa**.

3.2 KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

- **Xác định nhiều vấn đề cơ bản** về chiến lược cách mạng.
- **Thống nhất với nội dung của Chính cương, sách lược vắn tắt** của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930.

3.3 HẠN CHẾ:

- **Không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu** của xã hội Việt Nam thuộc địa.
- **Không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc**, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất.
- **Không đề ra được một chiến lược liên minh** dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.

3.4 NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ:

- **Nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn** cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh.
- **Nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp** đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó.
- Những **hạn chế trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc**, giữa hai **nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất**, cũng như trong việc **tập hợp lực lượng cách mạng** còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

4.

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC 1939-1945

4.1 BỐI CẢNH LỊCH SỬ VÀ CHỦ TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC MỚI CỦA ĐẢNG

Bối cảnh lịch sử:

- Tháng 9-1939, **Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Mặt trận Nhân dân Pháp tan vỡ.**
- Ngày **28-9-1939**, Toàn quyền Đông Dương ra **Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản.**
- Tháng 6-1940, **Đức tiến công Pháp và Liên Xô.**
- Ở Đông Dương, thực dân Pháp **thi hành chính sách thời chiến, phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy”.**
- Tháng 9-1940, quân phiệt **Nhật vào Đông Dương**, thực dân **Pháp đầu hàng** và **câu kết với Nhật** để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh **“một cổ hai tròng”.**
- Tháng 12-1941, **chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.** Quân phiệt Nhật chiếm thuộc địa của Mỹ và Anh
- Đảng **chuyển trọng tâm công tác về nông thôn**, đồng thời **vẫn chú trọng các đô thị.**
- Ngày 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: **“Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”.**

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939):

- **Bước đường sinh tồn... là con đường đánh đổ đế quốc Pháp.**
- Lấy **quyền lợi dân tộc làm tối cao.**
- “**cách mạng ruộng đất**” thay bằng các khẩu hiệu **chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia cho dân cày.**
- **Thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương** nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương.
- **Đã đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử**, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Hội nghị cán bộ Trung ương họp tháng 11-1940 lập lại Ban Chấp hành Trung ương:

- **Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến**, không thể cái làm trước, cái làm sau.
- Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc **cách mạng tư sản dân quyền** Đông Dương.
- Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11-1939.

Tháng 5-1941, **Hội nghị lần thứ tám:**

- **Cuộc cách mạng trước mắt** của Việt Nam là một cuộc **cách mạng giải phóng dân tộc**, lập Mặt trận Việt Minh, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, **chống Nhật, chống Pháp**, tranh lại độc lập.
- **Hoãn cách mạng ruộng đất**

Nội dung quan trọng:

- *Thứ nhất*, **mâu thuẫn chủ yếu** là **mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp-Nhật**.
- *Thứ hai*, Chủ trương làm **cách mạng giải phóng dân tộc**. Khẩu hiệu: **tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo**, chia lại ruộng đất công cho công bằng, **giảm tô, giảm tức**.
- *Thứ ba*, **giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương**, thi hành chính sách “**dân tộc tự quyết**”. “**tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý**”. Thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện **đoàn kết từng dân tộc**, đồng thời **đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung**.
- *Thứ tư*, **tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc**. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “**cứu quốc**”.
- *Thứ năm*, **thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ**, một hình thức nhà nước “**của chung cả toàn thể dân tộc**”, thành lập **chính phủ dân chủ cộng hòa**.
- *Thứ sáu*, **chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm**.

Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

4.2 PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP-NHẬT, ĐẨY MẠNH CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG CHO CUỘC KHỞI NGHĨA VŨ TRANG:

Ngày 27-9-1940, khi quân Pháp bị Nhật tiến đánh phải rút chạy, **nhân dân Bắc Sơn** dưới nổi dậy **khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài**, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. **Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Khởi nghĩa Bắc Sơn là bước phát triển của đấu tranh vũ trang** vì mục tiêu giành độc lập.

Ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam Kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị.

Tháng 11-1940, **Hội nghị cán bộ Trung ương** quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và **định chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam Kỳ**, chưa được triển khai thì **cuộc khởi nghĩa đã nổ ra đêm ngày 23-11-1940**. **Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ**. Cuộc khởi nghĩa bị **đế quốc Pháp đàn áp** khốc liệt.

Ngày 13-1-1941, một **cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ** do **Đội Cung** chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”.

Tháng 8-1942, **Nguyễn Ái Quốc** lấy tên là **Hồ Chí Minh** trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng **bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ** hơn một năm.

Ngày 25-10-1941, Việt Minh ra đời.

Đảng tích cực chăm lo **xây dựng đảng** và **củng cố tổ chức, mở nhiều lớp huấn luyện** ngắn ngày, đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận.

Tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đề ra những biện pháp cụ thể nhằm **phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp** nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa trong tương lai có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

Năm 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam:

- Xác định **văn hóa cũng là một trận địa cách mạng**
- Xây dựng một nền văn hóa mới theo **ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.**

Cuối năm **1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời.** Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập **Đảng Dân chủ Việt Nam (6-1944).**

Việt Minh:

- **Là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam**
- Là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này.

Đội du kích Bắc Sơn phát triển thành Cứu quốc quân. Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng.

Tháng 12- 1941, Trung ương ra thông cáo Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng, tiến lên **phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.**

Ở Bắc Sơn-Võ Nhai, **Cứu quốc quân** tiến hành **tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ** ra nhiều nơi.

Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc **triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân.**

Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh quyết định **định chỉ phát động chiến tranh du kích** trên quy mô rộng lớn, **ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.** Bản Chỉ thị này **có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt** của Đảng.

Ngày **22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời** ở Cao Bằng.

Ngày 24-12-1944, Đoàn của **Tổng bộ Việt Minh** do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc **liên lạc với các nước Đồng Minh để phối hợp chống Nhật.**

Tháng 2-1945, lãnh tụ **Hồ Chí Minh** sang Trung Quốc **tranh thủ giúp đỡ của Đồng minh** chống phát xít Nhật.

4.3 CAO TRÀO KHÁNG NHẬT CỨU NƯỚC:

Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp. Pháp đầu hàng. Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra để phục vụ cho **nền thống trị của chủ nghĩa phát xít**.

Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng **xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất** của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là **phát xít Nhật**.

Bản chỉ thị ngày 12-3-1945 là **kim chỉ nam** cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và **có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi** của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Dưới sự **lãnh đạo của Đảng và Việt Minh**, từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng **thượng du và trung du Bắc kỳ**. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và **Cứu quốc quân** phối hợp với **lực lượng chính trị** giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện. **Khởi nghĩa Ba Tơ** (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban giải phóng Việt Nam.

Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc **thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu** trong cả nước.

Ngày 4-6-1945, **khu giải phóng chính thức được thành lập**. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các **chính sách của Việt Minh**. **Khu giải phóng Việt Bắc** trở thành **căn cứ địa chính của cách mạng** cả nước.

Trong các **đô thị**, Việt Minh **đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền**, diệt ác trừ gian, **tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc** trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng **lực lượng tự vệ cứu quốc**. Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu **“phá kho thóc, giải quyết nạn đói”**.

Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Thực chất của **cao trào kháng Nhật cứu nước** là **một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ**, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện, **sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa**.

4.4 TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN:

Theo quyết định của Hội nghị Potsdam(7-1945), **quân đội Trung Hoa** dân quốc vào Bắc Việt Nam **từ vĩ tuyến 16 trở ra** và **quân đội của Liên hiệp Anh** từ vĩ tuyến 16 trở vào để **giải giáp quân đội Nhật**.

Mỹ ngày càng nghiêng về phía Pháp, **ủng hộ Pháp** trở lại xâm lược Đông Dương.

Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong thời gian **từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương**, vào khoảng nửa cuối tháng Tám năm 1945.

Ngày 12-8-1945, Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu.

Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “**Quân lệnh số 1**”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

16-8-1945, Đại hội quốc dân tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Từ ngày 14-8-1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật hỗ trợ quân chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ.

Ngày 16-8-1945, một đơn vị Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 17-8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim.

Sáng ngày 19-8, tại Thủ đô Hà Nội, quần chúng cách mạng xuống đường dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 23-8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế giành được chính quyền ở ngoại thành. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt.

Ngày 30-8-1945, ở Ngõ Môn, thành phố Huế, Bảo Đại thoái vị.

Tại một căn phòng trên gác nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội, Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam mới.

Ngày 31-8-1945, Hồ Chí Minh bổ sung một số điểm, hoàn chỉnh bản Tuyên ngôn Độc lập².

Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Cách mạng Tháng Tám là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939-1945.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng.



Ngồi xuống
cố gắng không khóc
khóc rất nhiều

CHƯƠNG II:

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)

1.

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN QUYẾT ĐỊNH PHÁT ĐỘNG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP CỦA ĐẢNG VÀ NỘI DUNG CỦA ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (12/1946)

1.1 CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC BÙNG NỔ VÀ ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CỦA ĐẢNG

Đảng tiếp tục kìm chế, kiên trì **thực hiện chủ trương hòa hoãn** và bày tỏ **thiện chí hòa bình**.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp **mở cuộc tấn công vũ trang**, xúc tiến thành lập cái gọi là **“Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ”** và triệu tập **Hội nghị Liên bang Đông Dương**.

Ngày 12-12-1946, Trung ương ra **Chỉ thị Toàn dân kháng chiến**.

Ngày 18-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương **phát động** toàn dân, toàn quốc tiến hành **cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp** với tinh thần **“thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”**.

Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Từ 20 giờ ngày 19-12-1946, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã **đồng loạt nổ súng**, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút, **pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội**, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

Cuộc chiến đấu ở **mặt trận Hà Nội** là quyết liệt nhất. Làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của thực dân Pháp; bảo toàn lực lượng, phát triển **“Trung đoàn Thủ đô”**.

1.2 ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Đường lối kháng chiến **được hình thành, bổ sung, phát triển** qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947.

Nội dung cơ bản của đường lối:

- **Dựa trên sức mạnh toàn dân**, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính.
- **Mục tiêu là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược**, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân:

- **Dem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân.**
- **Động viên toàn dân** tích cực tham gia kháng chiến.
- **Xây dựng sự đồng thuận**, nhất trí của cả nước.
- **Quân đội nhân dân làm nòng cốt** cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện:

- **Đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận** cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó **mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang** giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định.
- **Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng**, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến lâu dài là **tư tưởng chỉ đạo chiến lược** của Đảng.

Trường kỳ kháng chiến:

- Là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta.
- Lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh.
- **Không** có nghĩa là **kéo dài vô thời hạn** mà phải luôn **tranh thủ, chớp thời cơ** thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, **thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng**.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính:

- Phải **lấy nguồn nội lực** của dân tộc, **phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần** vốn của trong nhân dân ta **làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu** của cuộc chiến tranh nhân dân.
- Trên cơ sở đó, để tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. **Lấy độc lập, tự chủ về đường lối** là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và **đường lối kháng chiến** của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Trở thành một **nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi** của cuộc **kháng chiến chống Pháp**.

2.

NỘI DUNG CHÍNH CƯƠNG ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM (2/1951)

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là **đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội**.

Nội dung cơ bản:

Tính chất của xã hội Việt Nam:

- Có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”.
- Giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với chủ nghĩa đế quốc xâm lược.
- Đối tượng đấu tranh chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ, và phong kiến phản động.

Nhiệm vụ của cách mạng:

- “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc
- Xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng.
- Phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội”.
- Nhiệm vụ chính là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

Động lực của cách mạng:

- Có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ.
- Trong đó lấy nền tảng là giai cấp công, giai cấp nông và lao động trí óc
- Giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Triển vọng phát triển của cách mạng, nhiệm vụ trung tâm:

- Hoàn thành giải phóng dân tộc.
- Xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân.
- Tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Chính cương còn nêu ra 15 chính sách nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

3.

ĐẢNG LÃNH ĐẠO TIỀN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG NIỀM NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)

3.1 SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG HAI MIỀN NAM - BẮC 1954-1965

Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển **cách mạng miền Nam** từ **thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công** 1954-1960

Đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, **miền Nam** do chính quyền đối phương quản lý, **trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.**

Ở trên thế giới:

Thuận lợi:

- **Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh** cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là **sự lớn mạnh của Liên Xô.**
- **Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao** ở các nước tư bản.

Bất lợi:

- **Mỹ có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng.**
- **Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang.**
- **Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.**

Ở trong nước:

Thuận lợi:

- **Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước.**
- **Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh** hơn trước sau 9 năm kháng chiến.
- **Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước.**

Khó khăn:

- **Đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.**
- **Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.**

Trung ương Đảng đã chủ trương **chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới** với nhận thức: **sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.**

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra **nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế.**

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. **Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.**

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách như:

- **Chính sách đối với tôn giáo.**
- **Chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch.**
- **Chính sách đối với ngụy quân.**

Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn **tuyên truyền, vận động** quần chúng đấu tranh **chống địch cường ép di cư** nhằm ổn định tình hình.

Ngày 10-10-1954, người lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội, ngày **16-5-1955, toàn bộ** quân đội viễn chinh **Pháp và tay sai** đã phải **rút khỏi miền Bắc.**

Nhận rõ **kinh tế miền Bắc cơ bản là nông nghiệp**, Đảng đã chỉ đạo **lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm.**

Việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Đảng chủ trương dựa hân vào **bàn cổ nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo.** Đến tháng 7-1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi.

Một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện.

Nguyên nhân chủ yếu:

- **Chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng.**
- **Trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh**
- **Sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam.**
- **Trong chỉnh đốn tổ chức, đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở.**

Đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến **xử lý oan nhiều cán bộ, đảng viên tốt.**

Hội nghị lần thứ 10 đã nghiêm khắc **kiểm điểm những sai lầm.**

Tháng 12-1957, **Hội nghị lần thứ 13 đánh giá thắng lợi** về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới.

Đến tháng 11-1958, **Hội nghị lần thứ 14** đề ra **kế hoạch ba năm** phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Coi **nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là có 2 thành phần (quốc doanh và tập thể)**, mục tiêu trước mắt là **xây dựng, củng cố miền Bắc** thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, **Hội nghị lần thứ 16** thông qua Nghị quyết :

- **Về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp:** xác định **hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa**, do vậy **hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động**, để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ **ba nguyên tắc** cần được quán triệt trong suốt quá trình **xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ**.
- **Về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh:** **cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản**.
- **Về chính trị:** coi giai cấp **tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc**
- **Về kinh tế:** không tịch thu tư liệu sản xuất của họ, mà **dùng chính sách chuộc lại**, thông qua **hình thức công tư hợp doanh**, **sắp xếp công việc** cho người tư sản trong xí nghiệp, **dần dần cải tạo** họ thành người lao động.

Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1954, **lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp**, đế quốc **Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam**.

Âm mưu xâm lược của Mỹ:

- **Biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam.**
- **Xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam** khi có điều kiện
- **Biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.**

Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn về **chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự**, nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống, xây dựng lực lượng quân đội. Ráo rức thi hành quốc sách “**tổ cộng, diệt cộng**”, lập “**khu trù mật**”, “**khu dinh điền**”.

Ngày 13-5-1957, Ngô Đình Diệm thăm Mỹ và tuyên bố: “**Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17**”.

Tháng 7-1954, **thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị**, lãnh đạo quần chúng đấu tranh **đòi đổi phương pháp thi hành Hiệp định**, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 6 chỉ rõ: **đế quốc Mỹ là kẻ thù chính** của nhân dân thế giới.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ **3 nhiệm vụ** cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là:

- **Đấu tranh đòi thi hành Hiệp định.**
- **Chuyển hướng công tác** cho phù hợp điều kiện mới.
- **Tập hợp mọi lực lượng đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ**, hoàn thành **thống nhất Tổ quốc.**

10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập.

Tháng 8-1956, dự thảo **Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam**:

- **Chế độ thống trị của Mỹ Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phát xít, hiếu chiến.**
- **Đề chống đế quốc Mỹ và tay sai chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng.**
- **Bản Đề cương là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.**

Các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã **chủ trương “điều” và “lắng”** cán bộ để bám dân, bám đất lãnh đạo phong trào. Nhiều nơi quần chúng đã lấy vũ khí chôn giấu khi có Hiệp định đình chiến, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống lại khủng bố, tiêu diệt những tên phản động chỉ điểm, ác ôn. Nhiều khu căn cứ được củng cố lại, nhiều đội vũ trang được thành lập.

Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố **“đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh”**:

- **Dùng Tòa án quân sự đặc biệt** để đưa những người bị bắt ra xét xử và bắn giết tại chỗ.
- **Địch khủng bố những người yêu nước và cách mạng bằng cả súng đạn và máy chém.**
- **Làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam thêm gay gắt, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng.**

Tháng 1-1959, **Hội nghị Trung ương 15** đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam:

- **Tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.**
- **Sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân.**
- **Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.**

Các tỉnh **miền Bắc** đã chủ động **kết nghĩa** với các tỉnh **miền Nam** để **phối hợp đấu tranh cách mạng** vì **mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.**

Ngày 17-1-1960, ở Bến Tre, **hình thức khởi nghĩa đồng loạt (đồng khởi)** bắt đầu bùng nổ ở huyện **Mỏ Cày**, sau đó lan ra các huyện rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh **đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên** và một số nơi thuộc các tỉnh **Trung Bộ.**

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy.

20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch. Đấu tranh theo chương trình hành động 10 điểm, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

3.2 XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, PHÁT TRIỂN THẾ TIẾN CÔNG CỦA CÁCH MẠNG MIỀN NAM 1961-1965

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội.

Đại hội đã thảo luận và thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và thông qua Nghị quyết về Nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và báo cáo về Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc,....

Về đường lối chung của cách mạng:

- Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.
- Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Về mục tiêu chiến lược chung:

- Giải phóng miền Nam, hoà bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể ở mỗi miền:

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà.
- Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Về hoà bình thống nhất Tổ quốc:

- Kiên quyết giữ vững đường lối hoà bình để thống nhất nước nhà,. Phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế.

Về triển vọng của cách mạng:

- Nhận định cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước ta.
- Là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- Từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội **không trải qua** giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- Xác định rằng: cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình **cải biến cách mạng về mọi mặt**.
- Là **quá trình đấu tranh gay go** giữa hai con đường, **con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực** kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc **từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể**, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.
- **Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất.**
- Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta.
- Tiến hành **cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa**.

Đường lối chung trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

- Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa.
- **Đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội**, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc.
- **Củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh** cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.
- **Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân** làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện, **biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến**.

Hạn chế:

- **Nhận thức** về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội **còn giản đơn, chưa có dự kiến** về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

Thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng:

- **Hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung** của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối **tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ** hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: **cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam**, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Đường lối chung của Đảng còn **là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo** của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có tiền lệ lịch sử, **vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại**.

Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất:

- Tiếp tục **hoàn thiện quan hệ sản xuất** xã hội chủ nghĩa.
- **Xây dựng từng bước** cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội.

- **Cải thiện đời sống** nhân dân.
- Đảm bảo **an ninh quốc phòng**, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã **mở nhiều hội nghị chuyên đề** nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. **Nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua** được triển khai.

Kế hoạch này mới **thực hiện được hơn bốn năm** (tính đến ngày 5-8-1964) thì được **chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh** phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song **những mục tiêu chủ yếu** của kế hoạch đã **cơ bản hoàn thành**.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, “**miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc**. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới”. Miền Bắc đã **trở thành căn cứ địa vững chắc** cho cách mạng cả nước với **chế độ chính trị ưu việt**, với **lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh**.

Ở miền Nam, từ năm 1961, **do thất bại trong thực hiện hình thức điển hình** của chủ nghĩa thực dân mới, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện **chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”**, một bộ phận trong **chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt”**, của John F Kennedy. Với công thức “**cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa**”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình thực hiện **kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, áp chiến lược là “quốc sách”**. Hai kế hoạch quân sự-chính trị: là **kế hoạch Stalay-Taylor (1961-1963) và L. Johnson – Robert S McNamara (Giôn xơn-Mắc Namara 1964-1965)**. **Chiến thuật là “trục thẳng vận” và “thiết xa vận”**. Từ ngày 10-8-1961, Mỹ bắt đầu **rải chất độc Dioxin** (chất độc màu da cam) **xuống miền Nam Việt Nam**.

Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về “**Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam**”. Tinh thần của chỉ thị là:

- **Giữ vững thế chiến lược** tiến công của cách mạng miền Nam đã giành được từ sau phong trào Đồng khởi.
- Đưa **đấu tranh vũ trang** phát triển lên **song song** với **đấu tranh chính trị**.
- **Ba vùng chiến lược**: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi.
- **Ba mũi giáp công**: quân sự, chính trị và binh vận.

Đây là quyết định **chuyển** cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ **khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng** và chỉ rõ những **nhiệm vụ cụ thể** cho cách mạng miền Nam là phải **tiêu hao, tiêu diệt** lực lượng quân đội Sài Gòn và làm **phá sản quốc sách “áp chiến lược”** của địch.

Bộ Chính trị nhấn mạnh, **do đặc điểm phát triển không đều** của cách mạng miền Nam, tương quan lực lượng ở mỗi vùng khác nhau, địa hình hoạt động và tác chiến khác nhau, nên phương châm đấu tranh của ta phải **linh hoạt, thích hợp** với từng nơi, từng lúc cụ thể:

- Vùng **rừng núi**: Lấy đấu tranh **vũ trang** là chủ yếu.
- Vùng **nông thôn đồng bằng**: **Kết hợp** hai hình thức đấu tranh vũ trang và chính trị.
- Vùng **đô thị**: Lấy đấu tranh **chính trị** là chủ yếu.

Để tăng cường sự chỉ đạo, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do Nguyễn Văn Linh làm Bí thư.

Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi **Quân giải phóng miền Nam Việt Nam**.

Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ.

Từ đầu năm 1963, sau chiến thắng Ấp Bắc, phong trào đấu tranh phá “áp chiến lược” phát triển mạnh mẽ, với phương châm “bám đất, bám làng”, “một tác không đi, một ly không rời”. Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá “áp chiến lược” phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

Ngày 1-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống chính quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm, và Cố vấn Ngô Đình Nhu. Từ tháng 11-1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 9 đã xác định “đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp” thắng lợi trên chiến trường.

Hình thức tiến công, phương châm tác chiến độc đáo ở miền Nam là:

- **2 chân** (quân sự, chính trị)
- **3 mũi** (quân sự, chính trị, binh vận)
- **3 vùng** (đô thị, nông thôn đồng bằng, miền núi).

Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị phát triển sôi động, mạnh mẽ từ giữa năm 1963 trở đi. **Làm cho ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ** là quân đội chính quyền Sài Gòn, hệ thống “áp chiến lược” và các đô thị bị lung lay tận gốc.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng ở miền Nam đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Ba trụ cột của chiến lược này là xây dựng chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở mạnh, xây dựng quân đội mạnh và bình định nông thôn miền Nam đều không thực hiện được.

Phong trào học sinh, sinh viên, trí thức ở đô thị, bãi công của công nhân, lực lượng biệt động đã đóng góp xứng đáng cho kháng chiến.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị được cử vào miền Nam trực tiếp phụ trách, chỉ đạo cuộc kháng chiến.

Đến đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “chiến tranh đặc biệt” là nguy quân nguy quyền, áp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

3.3 LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG CẢ NƯỚC 1965-1975

a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Mỹ tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam:

- Là một hình thức chiến tranh trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ.
- Biểu hiện là đưa quân chiến đấu Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến, đóng vai trò chủ yếu trên chiến trường miền Nam; quân đội Sài Gòn đóng vai trò hỗ trợ quân Mỹ và thực hiện bình định.

Ngày 8-3-1965 quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam, Việt Nam. Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: “Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà”.

Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn mới là sự kế thừa và phát triển sáng tạo đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam đã được Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ III (1960), gồm các nội dung lớn là:

- **Quyết tâm chiến lược:** lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường.
- Cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược.
- Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam.
- Chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược:

- Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà.

Phương châm chiến lược:

- Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh;
- Cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam:

- Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công.
- Tiếp tục kiên trì phương châm **kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị**, triệt để thực hiện **ba mũi giáp công**, đánh địch trên cả **ba vùng chiến lược**.
- **Đấu tranh quân sự** có tác dụng **quyết định trực tiếp** và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc:

- **Chuyển hướng xây dựng kinh tế**, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc **vững mạnh về kinh tế và quốc phòng** trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ
- Tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền:

- Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, **miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn**. Bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.
- Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, **nhất là về kinh tế và quốc phòng**.
- **Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội**.
- Hai nhiệm vụ trên đây **không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau**. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là **“Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”**.

Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965 là **đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính** trong hoàn cảnh mới, **cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi về vang**.

b. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ 1965-1968

Ở miền Bắc:

Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng lên **“sự kiện vịnh Bắc Bộ”** mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại. Với ý đồ:

- Đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá.
- Phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.
- Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam.
- Đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước.

Chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc:

- Một là, kịp thời **chuyển hướng xây dựng kinh tế** cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại;
- Hai là, **tăng cường lực lượng quốc phòng** cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh;

- Ba là, **ra sức chi viện cho miền Nam** với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam;
- Bốn là, phải kịp thời **chuyển hướng tư tưởng và tổ chức** cho phù hợp với tình hình mới.

Do bị **thất bại nặng nề** ở cả hai miền Nam-Bắc, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố **hạn chế ném bom miền Bắc**, và ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải **chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc** bằng không quân và hải quân.

Sau **bốn năm** thực hiện chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế, hậu phương lớn **miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào** trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam.

Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Ở miền Nam:

Cuộc **“Chiến tranh cục bộ”** mà Mỹ tiến hành là **cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất**, kể từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước chư hầu.

Trên **mặt trận chống phá “bình định”**, quân và dân các vùng nông thôn kiên trì **phương châm “bốn bám”** và **đẩy mạnh “ba mũi giáp công”** đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của Mỹ - ngụy.

Phong trào đấu tranh chính trị vẫn tiếp tục phát triển, mức độ ngày càng quyết liệt ở hầu khắp các **thành thị miền Nam, nhất là ở Huế và Đà Nẵng**, với các khẩu hiệu đòi lật đổ chính phủ bù nhìn tay sai Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam.

Đến cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao nhưng Mỹ vẫn không thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra. **Hội nghị lần thứ 13 mở mặt trận ngoại giao** nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bè bạn, mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một **ng nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới**, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng **phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa** vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được **Hội nghị lần thứ 14** họp tháng 1-1968 thông qua.

Đêm 30 rạng ngày 31- 1-1968, dịp **giao thừa Tết Mậu Thân**, **cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt I đã được phát động trên toàn miền Nam**.

Xuất hiện một **hình thức mặt trận mới** đó là **Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam** do luật sư Trịnh Đình Thảo đứng đầu...

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một **chủ trương táo bạo và sáng tạo** của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 là **một đòn tiến công chiến lược** đánh vào tận hang ổ kẻ thù. Đây là **thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt, khởi đầu quá trình đi đến thất bại hoàn toàn của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa**. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ phá sản.

Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Paris (Pháp) từ ngày 13-5-1968. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6-6-1969 do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch và cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán ở Paris do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động quân sự năm 1968 đã có **biểu hiện chủ quan** trong việc đánh giá tình hình, **đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế**. Đặc biệt là sau đợt tấn công trong Tết Mậu Thân, ta đã **không kiểm điểm, rút kinh nghiệm kịp thời, không đánh giá đúng tương quan lực lượng** giữa ta và địch cũng như âm mưu đối phó của chúng, chủ trương tiếp tục mở các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện và yếu tố bất ngờ **“là sai lầm về chỉ đạo chiến lược”**. “Tết Mậu Thân thắng rất lớn, mà nhất là đánh bại được ý chí xâm lược của Mỹ, tạo nên bước ngoặt quyết định của chiến tranh. Nhưng sau đó ta chuyển chậm, chủ trương tiếp tục các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện là sai lầm về chỉ đạo chiến lược, để địch gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất”.

c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975

Tháng 11-1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc **thực hiện các kế hoạch ngắn hạn** nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam.

Trong nông nghiệp: **diện tích các loại cây trồng tăng**, riêng diện tích và sản lượng lúa tăng khá nhanh, chăn nuôi cũng phát triển mạnh.

Trong công nghiệp: hầu hết các xí nghiệp bị địch đánh phá được **khôi phục, sửa chữa**. Hệ thống giao thông, cầu phà, bến bãi được khẩn trương khôi phục và xây dựng thêm.

Trong lĩnh vực giáo dục, y tế: có bước **phát triển tốt so với trước**, nhất là hệ thống giáo dục đại học.

Những kết quả đạt được đã góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam, nhất là trong cuộc tập kích chiến lược xuân hè 1972. Đặc biệt là cuộc chiến đấu oanh liệt của Quân giải phóng ở Thành cổ Quảng Trị.

Từ tháng 4-1972, **để ngăn chặn cuộc tiến công chiến lược** của quân dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ **tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai**. Trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận **“Điện Biên Phủ trên không”**, đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Ngày **15-1-1973**, Mỹ ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn **đàm phán ở Paris**.

Trung ương Đảng đề ra **kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974-1975**. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường.

Miền Bắc còn **hoàn thành nhiệm vụ hậu phương** lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành **nghĩa vụ quốc tế** đối với cách mạng Lào và Campuchia.

Ở miền Nam:

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, từ đầu năm 1969, Mỹ đề ra chiến lược “Học thuyết Níchxơn” với ba nguyên tắc trụ cột là: “cùng chia sẻ”; “sức mạnh của Mỹ” và “sẵn sàng thương lượng”.

Thay “chiến tranh cục bộ” bằng “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”.

Mỹ đã áp dụng một loạt biện pháp như:

- Ra sức củng cố ngụy quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại.
- Ráo riết thực hiện chương trình bình định.
- Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm chặn đứng sự chi viện cho miền Nam.
- Tìm mọi cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu của Việt Nam.

Đảng ta đã đề ra quyết tâm và chủ trương chiến lược hai bước: “Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Hội nghị lần thứ 18 và Hội nghị Bộ Chính trị đề ra chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình “bình định” của địch.

Về mặt tác chiến, lưu ý trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ.

Trong những năm 1970-1971, cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn gian khổ, kiên trì xây dựng và phát triển lực lượng, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, gây tổn thất to lớn cho địch trong “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”.

Thực hiện chủ trương của lãnh đạo Đảng hai nước, liên quân Lào-Việt Nam đã phối hợp mở chiến dịch phản công.

Trong thời gian ngắn, các lực lượng vũ trang của ta đã phối hợp với quân và dân Campuchia kịp thời phản công địch, đánh bại cuộc hành quân của chúng, giải phóng được vùng Đông-Bắc Campuchia và kiểm soát được nhiều vùng nông thôn rộng lớn khác buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố rút quân ra khỏi Campuchia (6-1970).

Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn “Lam Sơn 719” của Mỹ-ngụy.

Quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân “Toàn thắng 1-1971” của Mỹ.

Những thắng lợi quân sự nói trên, quân ngụy Sài Gòn, cái “xương sống” của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị suy yếu nghiêm trọng.

Vào mùa Xuân-Hè năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh.

Chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân ta đã phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ. Đế quốc Mỹ điên cuồng đối phó bằng cách vội vã “Mỹ hóa” trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam, đánh phá trở lại miền Bắc lần thứ hai từ đầu tháng 4-1972 nhưng không cứu vãn được tình thế.

Ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Với việc ký kết Hiệp định Paris, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành thêm thắng lợi hết sức to lớn và có tính chất quyết định. Nhân dân ta đã đạt được mục tiêu quan trọng hàng đầu là đề bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi tới thắng lợi hoàn toàn, từ “đánh cho Mỹ cút” tiến lên “đánh cho ngụy nhào”.

Mặc dù phải ký Hiệp định Paris, chấp nhận rút quân khỏi Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố, không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam, mà âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài đất nước ta. Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ-ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973-1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái “da báo” ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

Ngay sau khi Hiệp định Paris được ký kết, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Riêng năm 1973, chúng đã chiếm lại hầu hết các vùng giải phóng mới của ta, trong đó có cảng Cửa Việt (Quảng Trị) bị chiếm ngay đêm 27-1-1973.

Tháng 7-1973, Hội nghị lần thứ 21:

- Con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng và nhân mạnh: bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công.
- Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới.
- Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch “bình định” của địch, dồn địch vào thế đối phó lúng túng, bị động. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long.

Quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi. Từ tháng 10-1973 trở đi, Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập các quân đoàn chủ lực nhằm tiêu diệt quân chủ lực của địch.

Tuyến đường chiến lược phía Đông Trường Sơn nối liền từ Đường 9 (Quảng Trị) vào đến miền Đông Nam Bộ đã được thông suốt. Một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh được chuyển tới các chiến trường.

Hệ thống đường ống dẫn xăng dầu được nối liền từ miền Bắc vào đến chiến trường Đông Nam Bộ.

Chiến thắng Phước Long có ý nghĩa như một đòn thăm dò chiến lược, có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976 theo tinh thần là:

- Năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp.
- Tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là các đòn tiến công chiến lược lớn. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên. Trước tình hình quân ta thắng lớn ở Tây Nguyên, cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18-3-1975 đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Ngày 6-4-1975, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh: Thần tốc, thần tốc hơn nữa, ...

Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn-Gia Định bắt đầu. Sau 4 ngày đêm tiến công dũng mãnh, vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ chiến thắng đã được cắm trên dinh Độc Lập. Sài Gòn được giải phóng.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975. Vào 11 giờ 30 phút, ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc dinh Độc lập. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 đã toàn thắng, đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc.

3.4 Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ KINH NGHIỆM LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG THỜI KỲ 1954 – 1975

Ý nghĩa:

- Kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống đế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.
- Mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Tăng thêm sức mạnh vật chất tinh thần, thể và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế.
- Nâng cao khí phách, niềm tự hào và để những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.
- Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.
- Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ.

- **Làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc**, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

Nguyên nhân thắng lợi:

- Có sự **lãnh đạo đúng đắn** của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Sự **đoàn kết, phấn đấu** hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước.
- Nhờ sức mạnh của **chế độ xã hội chủ nghĩa** ở miền Bắc cả về chính trị, tinh thần và vật chất với tư cách là hậu phương lớn.
- **Tình đoàn kết chiến đấu** của quân, dân Việt Nam, Lào, Campuchia và kết quả của sự ủng hộ và sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Đại hội lần thứ IV của Đảng đã khẳng định: **là sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam.**

Kinh nghiệm:

- *Một là*, **giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.
- *Hai là*, tìm ra **phương pháp đấu tranh đúng đắn**, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.
- *Ba là*, phải có **công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp** bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.
- *Bốn là*, hết sức **coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng** ở miền Nam và tổ chức xây dựng **lực lượng chiến đấu trong cả nước**, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế:

- Có thời điểm **đánh giá so sánh** lực lượng giữa ta và địch **chưa thật đầy đủ**.
- Có những biểu hiện **nóng vội, chủ quan, duy ý chí** trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Chương III

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 - 2018)

1.

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)

1.1 XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 1975-1981

a. Hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ sau năm 1975:

- Đất nước đã **hòa bình**, độc lập, thống nhất, cả nước **quá độ lên chủ nghĩa xã hội**.
- Đất nước có nhiều **thuận lợi với sức mạnh tổng hợp**, đồng thời cũng phải khắc phục những **hậu quả nặng nề của chiến tranh**.
- **Điểm xuất phát** của Việt Nam về kinh tế- xã hội còn ở **trình độ thấp**.
- **Điều kiện quốc tế** có **thuận lợi** đồng thời có xuất hiện những **khó khăn thách thức** mới.
- Các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những **khó khăn về kinh tế - xã hội** và **sự phát triển**.
- Các thế lực thù địch **bao vây cấm vận và phá hoại** sự phát triển của Việt Nam.

b. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: **Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội**. Nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là **lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước**. Cụ thể là **thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền** là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương:

- **Hoàn thành thống nhất** nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.
- **Miền Bắc** phải tiếp tục **đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng** chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.
- **Miền Nam** phải đồng thời tiến hành **cải tạo xã hội** chủ nghĩa và **xây dựng** chủ nghĩa xã hội.
- **Xúc tiến việc thống nhất nước nhà** một cách tích cực và khẩn trương.

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, **Hội nghị Hiệp thương chính trị** của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước. **Tổ chức tổng tuyển cử** trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 **theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín**.

Ngày 25-4-1976, **cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội** chung của nước Việt Nam thống nhất được **tiến hành**.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, **kỳ họp thứ nhất của Quốc hội** nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước **Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam**, **Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh**, **Thủ đô là Hà Nội**, **Quốc ca là bài Tiến quân ca**, **Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam**, **Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh**. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Các tổ chức chính trị-xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới.

Ý nghĩa việc hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước:

- Là một trong những **thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn**;
- Là **cơ sở để thống nhất** nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước;
- Là **điều kiện tiên quyết** để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Điều đó còn thể hiện **tư duy chính trị nhạy bén** của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV thông qua:

- Báo cáo **chính trị**
- Báo cáo về **phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu** kế hoạch 5 năm (1976-1980)
- Báo cáo **tổng kết công tác** xây dựng Đảng
- Đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành **Đảng Cộng sản Việt Nam**
- **Sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Ban Chấp hành Trung ương**.

Ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- *Một là*, nước ta **tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội**, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.
- *Hai là*, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.
- *Ba là*, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

Ba đặc điểm chỉ ra, Việt Nam **có đủ điều kiện** đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, **nhưng** đó là sự nghiệp **khó khăn, phức tạp, lâu dài**.

Đặc điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đường lối chung :

- **Nắm vững chuyên chính vô sản**, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động
- Tiến hành đồng thời **ba cuộc cách mạng**: cách mạng về **quan hệ sản xuất**, cách mạng **khoa học-kỹ thuật**, cách mạng **tư tưởng và văn hoá**, trong đó cách mạng **khoa học-kỹ thuật là then chốt**.
- **Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm** của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.
- Xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu.
- Không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố **quốc phòng**, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội.
- **Xây dựng thành công Tổ quốc** Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

4 đặc trưng cơ bản:

- **Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa**, nền sản xuất lớn, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa.
- Coi **chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể** của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- **Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa** bằng ưu tiên **phát triển công nghiệp nặng** một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp.
- **Kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất. Tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em** đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ nhằm **hai mục tiêu cơ bản và cấp bách**: bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội:

- **Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá**, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới;
- **Tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa**, phát huy vai trò của các đoàn thể.
- Coi trọng nhiệm vụ **củng cố quốc phòng, an ninh** chính trị và trật tự xã hội.
- Coi trọng **nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại** của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô.
- Nâng cao **vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng**.

Hạn chế:

- Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến.
- Không thể áp dụng đầu đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.
- Chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh.
- Việc dự kiến thời gian hoàn thành trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông.

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho “sản xuất bung ra”.

Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Việt Nam, Lào và Campuchia đoàn kết ba nước Đông Dương đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là quy luật phát triển của từng nước và của cả ba nước.

Ngày 3-5-1975, Pôn Pốt cho quân đổ bộ chiếm Thổ Chu, Phú Quốc giết hại nhân dân Việt Nam trên toàn tuyến biên giới Tây. Cuối tháng 12- 1978, Pôn Pốt tổng lực tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu nhanh chóng tiến sâu vào nội địa Việt Nam.

Từ ngày 26-12-1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt.

Năm 1978, Trung Quốc tuyên bố rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lần chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc. Từ ngày 18-4-1979 về sau, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Đồng thời, quân dân cả nước cũng đấu tranh thắng lợi làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của lực lượng phản động FULRO vũ trang ở Tây Nguyên, lực lượng lưu vong vũ trang xâm nhập về nước, bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng.

Các tỉnh phía Nam đã cơ bản việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn với các đội chuyên, làm khoán.

Kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra.

Nguyên nhân:

- **Nền kinh tế thấp kém, thiên tai** nặng nề liên tiếp xảy ra, **chiến tranh biên giới** và **chính sách cấm vận, bao vây**, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch.
- Những **khuyết điểm, sai lầm** của Đảng, Nhà nước **về lãnh đạo và quản lý** kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên.

1.2 ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V CỦA ĐẢNG VÀ CÁC BƯỚC ĐỘT PHÁ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI KINH TẾ 1982-1986

a. Đại hội V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982. **Hoa Kỳ** tiếp tục thực hiện chính sách **bao vây cấm vận** và “**kế hoạch hậu chiến**”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức **tuyên truyền xuyên tạc** việc quân tình nguyện **Việt Nam** làm nghĩa vụ quốc tế ở **Campuchia**, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng **khủng hoảng kinh tế-xã hội** ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Những quan điểm mới:

Nước ta đang ở **chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ** lên chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kỳ **khó khăn, phức tạp, lâu dài**, phải trải qua nhiều chặng đường.

Cách mạng Việt Nam có **hai nhiệm vụ chiến lược** là:

- **Xây dựng thành công** chủ nghĩa xã hội
- **Bảo vệ vững chắc** Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là:

- Tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi **nông nghiệp là mặt trận hàng đầu**, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng.
- **Kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng** trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý.

Đại hội V **nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức**, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự **trong sạch**, có **sức chiến đấu cao**, **gắn bó chặt chẽ với quần chúng**.

Thành tựu của Đại hội V:

- Có những bước phát triển nhận **thức mới**, tìm tòi **đổi mới** trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế.
- **Đường lối** chung là hoàn toàn **đúng đắn**.

Khuyết điểm:

- **Không có được những sửa chữa** đúng mức và cần thiết.
- **Chưa thấy hết sự cần thiết** duy trì nền kinh tế nhiều thành phần

- Chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối
- Vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm.
- Vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn lan
- Không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay:

- Đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do.
- Thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

Về cơ cấu sản xuất:

- Cho rằng nước ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất.
- Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dầm chân tại chỗ.
- Đây cũng là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.
- Cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn.
- Cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa:

- Phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp.
- Phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần.

- Cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự **thay đổi chế độ sở hữu**, mà còn **thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối**.

Về cơ chế quản lý kinh tế:

- **Bổ trí lại cơ cấu kinh tế** phải đi đôi với **đổi mới cơ chế quản lý kinh tế**.
- **Đổi mới kế hoạch hoá** theo nguyên tắc **phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa**, đồng thời **sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá- tiền tệ**.
- Làm cho các **đơn vị kinh tế có quyền tự chủ** trong sản xuất, kinh doanh.
- **Phân biệt chức năng quản lý hành chính** của Nhà nước với chức năng **quản lý sản xuất, kinh doanh** của các đơn vị kinh tế.
- **Phân công, phân cấp** bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương.

Tổng kết 10 năm 1975-1986, Đảng đã khẳng định **3 thành tựu nổi bật**:

- Thực hiện **thắng lợi chủ trương thống nhất** nước nhà về mặt Nhà nước.
- Đạt được những thành tựu quan trọng trong **xây dựng chủ nghĩa xã hội**.
- Giành thắng lợi to lớn trong **sự nghiệp bảo vệ** Tổ quốc và làm **nghĩa vụ quốc tế**.

Khuyết điểm nổi bật:

- **Không hoàn thành các mục tiêu** kinh tế - xã hội do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.
- **Sản xuất tăng chậm** và không ổn định.
- Nền kinh tế luôn trong **tình trạng thiếu hụt**, không có tích lũy.
- **Lạm phát tăng cao** và kéo dài.
- Đất nước bị **bao vây, cô lập**, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, **lòng tin** đối với Đảng, Nhà nước, chế độ **giảm sút** nghiêm trọng.

Nguyên nhân:

- Xây dựng đất nước từ **nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu**.
- Hậu quả nặng nề của **30 năm chiến tranh**.
- **Những sai lầm** của Đảng trong **đánh giá tình hình**, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế.
- **Sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa**, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.
- Duy trì quá lâu **cơ chế tập trung**, quan liêu, bao cấp.
- **Buông lỏng chuyên chính vô sản** trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của địch.

2.

NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1986-1996)

2.1 ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VI VÀ THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN.

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986.

Bối cảnh lịch sử:

- **Cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật** đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu.
- **Đổi mới** đã trở thành xu thế của thời đại.
- Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành **cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội**.
- Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch **bao vây, cấm vận** và ở tình trạng **khủng hoảng kinh tế- xã hội**.

Các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986:

- Những **sai lầm nghiêm trọng** và kéo dài về **chủ trương, chính sách** lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, **đặc biệt là trên lĩnh vực kinh tế** là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan.
- Tư tưởng tiểu tư sản, **vừa “tả” khuynh vừa hữu khuynh**.
- **Nguyên nhân của mọi nguyên nhân** bắt nguồn từ những khuyết điểm trong **hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác** cán bộ của Đảng.

Bốn bài học quý báu:

- Quán triệt tư tưởng **“lấy dân làm gốc”**.
- Luôn luôn **xuất phát từ thực tế**, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.
- **Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại** trong điều kiện mới.
- Chăm lo **xây dựng Đảng**.

Thực hiện nhất quán chính sách **phát triển nhiều thành phần kinh tế**. **Đổi mới cơ chế** quản lý, **xóa bỏ cơ chế tập trung** quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường.

Nhiệm vụ:

- **Sản xuất đủ** tiêu dùng và có **tích lũy**.
- Bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt **chú trọng ba chương trình kinh tế lớn** là **lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu**, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ.

- Thực hiện **cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên** với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển.
- **Đổi mới cơ chế quản lý** kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.
- **Xây dựng và tổ chức** thực hiện một cách **thiết thực**, có hiệu quả các chính sách xã hội.
- Bảo đảm nhu cầu **củng cố quốc phòng và an ninh**.

Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế:

- **Bổ trí lại cơ cấu** sản xuất.
- **Điều chỉnh cơ cấu** đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.
- **Sử dụng và cải tạo** đúng đắn các thành phần kinh tế.
- **Đổi mới cơ chế** quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật.
- **Mở rộng và nâng cao** hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đại hội VI nhấn mạnh: “**Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng** của đất nước và **sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế** để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Bốn nhóm chính sách xã hội:

- **Kế hoạch hóa dân số**, giải quyết việc làm cho người lao động.
- Thực hiện **công bằng xã hội**, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội.
- Chăm lo đáp ứng các nhu cầu **giáo dục, văn hóa**, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân.
- Xây dựng chính sách **bảo trợ xã hội**.

Đề cao **cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh**.

Đối ngoại góp phần quan trọng, **tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô** và các **nước xã hội chủ nghĩa**.

Bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần:

- **Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng**.
- **Đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc**, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng.
- **Tăng cường đoàn kết nhất trí** trong Đảng. Đảng cần **phát huy quyền làm chủ tập thể** của nhân dân lao động, thực hiện “**dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra**”.

- **Tăng cường hiệu lực quản lý** của Nhà nước là **điều kiện tất yếu** để huy động lực lượng của quần chúng.

Đại hội VI của Đảng là **Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện**, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Hạn chế:

- Chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng **rối ren trong phân phối lưu thông**.
- **Khủng hoảng kinh tế-xã hội** vẫn diễn ra nghiêm trọng.
- Lương thực, thực phẩm thiếu, **nạn đói xảy ra** ở nhiều nơi, **lạm phát cao**, **đời sống nhân dân rất khó khăn**.
- Sự **dao động về tư tưởng** chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng lan rộng.

CÁC LĨNH VỰC ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN:

Trong nông nghiệp:

- Nông dân được **nhận khoán và canh tác** trên diện tích ổn định trong 15 năm.
- Bảo đảm có **thu nhập từ 40%** sản lượng khoán trở lên.
- Lần đầu tiên **Luật Đầu tư nước ngoài** được thông qua.

Trong công nghiệp:

- **Xoá bỏ chế độ tập trung**, bao cấp.
- Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang **kinh doanh xã hội chủ nghĩa**.
- **Tạo ra động lực** mạnh mẽ, giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học-kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá **theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội** với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao.

Hội nghị Trung ương 2 (4-1987):

- **Trọng tâm** là thực hiện **bốn giảm**:
 - Giảm bội **chi ngân sách**.
 - Giảm nhịp **độ tăng giá**.
 - Giảm **lạm phát**.
 - Giảm **khó khăn về đời sống** của nhân dân
- **Mở rộng giao lưu** hàng hoá, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông.
- Thực hiện **cơ chế một giá** và **chế độ lương** thống nhất cả nước.
- **Giảm tỷ lệ bội chi** ngân sách và bội chi tiền mặt, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực.
- Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang **hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa**.
- **Đổi mới quản lý** nhà nước về kinh tế.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa:

- Công nhận sự tồn tại lâu dài của **nhiều thành phần kinh tế**.
- Nâng cao vai trò chủ đạo của **nền kinh tế quốc doanh**, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác.
- Các **thành phần kinh tế bình đẳng** về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh hơn trước.

Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) chính thức **dùng khái niệm hệ thống chính trị**, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định **sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới**:

- **Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu** ở nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta.
- **Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng** của Đảng.
- **Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị**.
- **Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định** thắng lợi nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.
- **Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực** của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa.
- **Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**.

Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những **chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại**:

- Ưu tiên **giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế**.
- Kiên quyết thực hiện **chính sách “thêm bạn, bớt thù”**.
- **Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước** trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, vì hoà bình và phát triển ở khu vực và trên thế giới.
- Từng bước **xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước Đông Nam Á**, thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam và các nước Châu Âu.

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, **Hội nghị Trung ương 6 (3-1989)** và **Hội nghị Trung ương 8 (3-1990)** tập trung giải quyết **những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng**:

- Đảng phải đổi mới tư duy, nhất là **tư duy kinh tế**.
- **Tăng cường công tác nghiên cứu** lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm trên mọi lĩnh vực, **đặc biệt là lĩnh vực kinh tế-xã hội**.
- Đổi mới **công tác giáo dục chính trị, tư tưởng**.
- Tăng cường công tác **tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ** đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới.
- **Nâng cao chất lượng** đảng viên và **sức chiến đấu** của tổ chức cơ sở đảng.

Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, **giữ vững mối liên hệ mật thiết** giữa Đảng và nhân dân là **nhân tố quyết định thắng lợi** của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

2.2 ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII VÀ CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991.

Thông qua **hai văn kiện** quan trọng:

- **Cương lĩnh xây dựng** đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
- **Chiến lược, ổn định và phát triển** kinh tế- xã hội đến năm 2000.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) nêu ra **5 bài học lớn**:

- Một là, **nắm vững ngọn cờ độc lập** dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Hai là, **sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân**.
- Ba là, **không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết**: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.
- Bốn là, **kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**.
- Năm là, **sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu** bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có **6 đặc trưng cơ bản**:

- **Do nhân dân lao động làm chủ**.
- **Có một nền kinh tế phát triển cao** dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- **Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**.
- **Con người được giải phóng** khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- **Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau** cùng tiến bộ.
- **Có quan hệ hữu nghị và hợp tác** với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội:

- **Xây dựng Nhà nước** xã hội chủ nghĩa.
- **Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa** đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một **nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm**.
- Thiết lập từng bước **quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa** từ thấp đến cao với sự **đa dạng về hình thức sở hữu**.
- Phát triển **nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần** theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo **cơ chế thị trường có sự quản lý** của Nhà nước.
- Tiến hành **cách mạng** xã hội chủ nghĩa trên **lĩnh vực tư tưởng, văn hóa** làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.
- Thực hiện **chính sách đại đoàn kết dân tộc**.
- Thực hiện hai **nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**.

Cương lĩnh chỉ rõ **quá độ lên chủ nghĩa xã hội** ở nước ta là một quá trình lâu dài, **trải qua nhiều chặng đường** với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an

ninh, đối ngoại. “**Mục tiêu tổng quát** phải đạt tới, khi kết thúc thời kỳ quá độ là **xây dựng xong** về cơ bản những **cơ sở kinh tế** của chủ nghĩa xã hội, **với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp**, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh”.

Cương lĩnh nêu rõ:

- **Quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước** xã hội chủ nghĩa của nhân dân, **do nhân dân, vì nhân dân.**
- Xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó.
- Đảng lấy **chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh** làm **nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam** cho hành động, lấy **tập trung dân chủ** làm **nguyên tắc tổ chức cơ bản.**
- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cương lĩnh năm 1991 đã **giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng** Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; **đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất** giữa tư tưởng với hành động, **tạo ra sức mạnh tổng hợp** đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000:

- **Mục tiêu tổng quát:** **ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế-xã hội.**
- **Quan điểm chỉ đạo:**
 - **Phát triển** kinh tế-xã hội **theo con đường củng cố độc lập** dân tộc và **xây dựng chủ nghĩa xã hội** ở nước ta.
 - Phát triển **nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.**
- **Mục tiêu và động lực chính:** **vì con người, do con người.**

Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới:

- Phải **giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa** trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.
- **Đổi mới toàn diện**, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.
- **Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần** đi đôi với **tăng cường vai trò quản lý** của Nhà nước về kinh tế, xã hội.
- Tiếp tục **phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp.
- Trong quá trình đổi mới phải quan tâm **dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn** những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và **bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.**

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới:

- Vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội.
- Tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật trên những lĩnh vực chủ yếu.

Hội nghị Trung ương 5 (6-1993), xác định **ba mục tiêu** chủ yếu là:

- **Xây dựng nông thôn mới** có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân.
- **Có hệ thống chính trị vững mạnh.** Phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội.
- **Tăng cường đoàn kết và ổn định** chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

Điểm mới trong chủ trương này của Đảng là **đề ra các quan điểm, nhiệm vụ** xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn **toàn diện**, khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực của nông dân.

Hội nghị Trung ương 7 (7-1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới:

- **Mục tiêu lâu dài** của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là **cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại.**
- **Xây dựng giai cấp công nhân** phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình.
- **Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước**, phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Hội nghị Trung ương 3 (6-1992) đưa ra ba quyết sách về củng cố quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng:

- **Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia** là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các **lực lượng vũ trang là lực lượng nòng cốt.**
- Đảng, Nhà nước chủ trương **mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại.**
- **Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng** là nhằm **nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu** của Đảng, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ **trọng tâm là phát triển kinh tế**, làm cho dân giàu nước mạnh giữ vững ổn định chính trị. **Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng** là quán triệt và **vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.**

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất. Ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07 về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất.

HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC GIỮA NHIỆM KỲ CỦA ĐẢNG

Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1-1994). Điều cơ bản có tính chất quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Những thử thách lớn:

- Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.
- Nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu.
- Nguy cơ “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Lần đầu tiên trong Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Hội nghị Trung ương 8 (1-1995) đã cụ thể hóa một bước chủ trương đó và chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước.

Nhận thức mới của Đảng là:

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.
- Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Thực hiện và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII, với quan điểm coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng.

Hội nghị Trung ương 4 đã ban hành 5 Nghị quyết liên quan đến chăm sóc, bồi dưỡng, phát huy nguồn lực con người:

- Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo.
- Về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt.
- Về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.
- Về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

3.

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX VÀ NHỮNG CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Đại hội IX của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001.

Hoàn cảnh lịch sử:

- Cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ.
- Sau sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ, một nước lớn lợi dụng chống khủng bố, tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước.
- Khu vực Đông Nam Á, châu Á- Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.
- Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp.

Nhận thức mới về con đường xã hội:

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người **ba dấu ấn** cực kỳ sâu sắc:

- Khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy.
- Diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu
- Đầu thế kỷ phong trào cách mạng phát triển rộng toàn thế giới, cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- Thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
- Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.
- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội khẳng định **những bài học đổi mới** do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên vẫn còn có giá trị lớn, nhất là những bài học:

- Trong quá trình đổi mới phải kiên trì **mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** trên **nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh**.
- **Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân**, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.
- Đổi mới phải **kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**.
- **Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định** thành công của sự nghiệp đổi mới.

Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, **đặc biệt về khoa học và công nghệ**, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với **nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội** có tính chất quá độ.

Quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, **đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp:

- Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển.
- Thực hiện **công bằng xã hội**, chống áp bức, bất công.
- Đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái.
- Đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch.
- **Bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng** nước ta thành một **nước xã hội chủ nghĩa** phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là **đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức** do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng, Nhà nước chủ trương **thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, **vừa là mục tiêu, vừa là động lực** thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

Trong toàn khóa IX, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, nổi bật nhất là **những nhiệm vụ trọng tâm** sau:

Hội nghị Trung ương 3 (9-2001) đã chỉ đạo **sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước**, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Qua 5 năm 1996-2001, **kinh tế tập thể** mà **nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới** dưới nhiều hình thức, trình độ khác nhau trong các ngành, lĩnh vực, **nhất là trong nông nghiệp**, nông thôn đã có đổi mới, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, **kinh tế tập thể hiện nay còn nhiều mặt yếu kém**, năng lực nội tại hạn chế; hiệu quả ít; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong GDP, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò của mình.

Hội nghị Trung ương 5 (3-2002):

- Nhận thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể và chủ trương xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách.
- Nâng cao vai trò quản lý của nhà nước.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.
- **Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài** trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới.

Kinh tế tư nhân nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém: quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu và gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế hoạt động.

Công tác quản lý và sử dụng đất đai hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém:

- Đất đai chưa được chuyển dịch hợp lý, hiệu quả sử dụng còn thấp.
- Tình trạng người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai và tình hình khiếu kiện về đất đai diễn ra nghiêm trọng và phổ biến.
- Việc thu hồi đất, đền bù giải toả mặt bằng thực hiện hết sức khó khăn.

Hội nghị Trung ương 7 (3-2003) đã thống nhất nhận thức **coi đất đai là tài nguyên quốc gia** vô cùng quý giá, **là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn** của đất nước; **quyền sử dụng đất là hàng hoá đặc biệt**.

Qua 15 năm đổi mới, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân nhìn chung có nhiều mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó **mặt tích cực là cơ bản**. Tuy vậy, **mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng**, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ.

Việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế, yếu kém:

- Nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh chưa thống nhất và chưa đạt được chiều sâu tư tưởng, lý luận.
- Chậm đưa tư tưởng Hồ Chí Minh thành môn học trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền tư tưởng Hồ Chí Minh thiếu sinh động; chưa gắn với giải quyết những vấn đề thực tiễn; việc đấu tranh bảo vệ tư tưởng Hồ Chí Minh chưa chủ động, kịp thời và sắc bén.

Hội nghị Trung ương 7 (3-2003) đã ban hành ba Nghị quyết quan trọng:

- Nghị quyết về **phát huy sức mạnh đại đoàn** kết toàn dân tộc vì “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.
- Nghị quyết về **công tác dân tộc**.
- Nghị quyết về **công tác tôn giáo**.

Bộ Chính trị khóa IX (3-2004) đã ban hành Nghị quyết số 36 chủ **trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng** dân tộc Việt Nam, **là nhân tố quan trọng** góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước.

Hội nghị Trung ương 8 (7-2003) ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. **Chiến lược xác định:**

Mục tiêu: **bảo vệ vững chắc độc lập**, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ **sự nghiệp đổi mới**, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ **lợi ích quốc gia** dân tộc; bảo vệ **an ninh chính trị**, quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững an ninh chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước **theo định hướng xã hội chủ nghĩa**.

Quan điểm chỉ đạo:

- **Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối**, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc.
- **Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với công nhân xã hội**; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế-xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ Quốc.
- **Kết hợp** chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược **xây dựng** thành công và **bảo vệ** vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ cơ bản: **Giữ vững hòa bình, ổn định** để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhiệm vụ theo chốt: **xây dựng Đảng**

Nhiệm vụ trung tâm: phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên: Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, trong đó **Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng lưng cốt. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế**, ưu tiên phát triển hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn.

4.

NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (NĂM 1991 VÀ BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

Cương lĩnh năm 2011 có **kết cấu bốn phần cơ bản** giữ như Cương lĩnh năm 1991 có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần.

Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm. Diễn đạt mới về **những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng**: là thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà **đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975**, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới.

Cách diễn đạt mới **đảm bảo vừa trung thực với lịch sử, vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại** trong tình hình mới. Ngoài ra còn **bổ sung ý nghĩa của những thành quả** do các thắng lợi trên mang lại và **đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ** của Đảng trước những sai lầm đó.

Những bài học kinh nghiệm lớn:

- Một là, **nắm vững ngọn cờ** độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Hai là, **sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân**.
- Ba là, không ngừng **củng cố, tăng cường đoàn kết**, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.
- Bốn là, **kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại**, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.
- Năm là, **sự lãnh đạo đúng đắn** của Đảng **là nhân tố hàng đầu** quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh năm 2011 có **sửa đổi hai từ bảo đảm bằng từ quyết định ở bài học thứ 5; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai**: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng”.

QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI DIỄN BIẾN PHỨC TẠP.

1. Về đặc điểm, xu thế chung:

- **Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức** và quá trình **toàn cầu hoá** diễn ra mạnh mẽ.
- Các **mâu thuẫn cơ bản** trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn **tồn tại và phát triển**.
- **Hoà bình, độc lập** dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển **là xu thế lớn**; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế... tiếp tục diễn ra phức tạp.
- **Khu vực châu Á-Thái Bình Dương và Đông Nam Á** phát triển năng động những vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.

Đánh giá về chủ nghĩa xã hội:

- Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới.
- Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công.

Bổ sung hai vấn đề là chống khủng bố và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là: các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới.

2. Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Trong các đặc trưng, ngoài đặc trưng “Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” không đổi, Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát:

- “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”
- “Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”.

Các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới, với ý nghĩa phù hợp hơn với mục tiêu khi nước ta đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta:

- **Xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế** của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.
- Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta **trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa**.

8 phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

- Một là, **đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại** hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường.
- Hai là, **phát triển nền kinh tế thị trường** định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Ba là, **xây dựng nền văn hoá** tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.
- Bốn là, **bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh** quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.
- Năm là, thực hiện **đường lối đối ngoại độc lập**, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.
- Sáu là, xây dựng **nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất.
- Bảy là, **xây dựng Nhà nước pháp quyền** xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Tám là, **xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh**.

8 mối quan hệ lớn:

- Quan hệ giữa **đổi mới, ổn định và phát triển**.
- Giữa **đổi mới kinh tế** và **đổi mới chính trị**.
- Giữa **kinh tế thị trường** và **định hướng xã hội chủ nghĩa**.
- Giữa **phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa**.
- Giữa **tăng trưởng kinh tế** và **phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội**.
- Giữa **xây dựng chủ nghĩa xã hội** và **bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**.
- Giữa **độc lập, tự chủ** và **hội nhập quốc tế**.
- Giữa **Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ**.

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH, ĐỐI NGOẠI

Về kinh tế:

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối:

- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế.
- **Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo**.

- Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.
- **Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể** ngày càng trở thành **nền tảng vững chắc** của nền kinh tế quốc dân.
- **Kinh tế tư nhân** là một trong những **động lực của nền kinh tế**.
- **Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài** được **khuyến khích phát triển**.

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện **công nghiệp hoá, hiện đại hoá** đất nước gắn với **phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường**; xây dựng **cơ cấu kinh tế hợp lý**, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền. **Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ**, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Về văn hóa, xã hội:

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển.
- **Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển.**
- **Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ.**
- Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ.
- Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. **Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân** trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.
- Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.
- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.
- Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ.
- Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác.
- Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.
- Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau.
- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc.
- Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.
- Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh:

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Đường lối đối ngoại: độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, **vừa là mục tiêu, vừa là động lực** của sự phát triển đất nước.

Nhà nước ta: là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Phương thức lãnh đạo của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

Làm rõ quan hệ Đảng với nhân dân: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về xây dựng Đảng: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Ý NGHĨA CỦA CƯƠNG LĨNH:

Có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những thập kỷ tới.

Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, Việt Nam nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, hạnh phúc.